

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4004/BTC-HCSN
V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư
của Bộ Tài chính quy định việc
quản lý và sử dụng kinh phí sự
nghiệp từ ngân sách nhà nước thực
hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa
vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt
buộc; công tác cai nghiện ma túy
tự nguyện tại gia đình, cộng đồng,
cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý
sau cai nghiện ma túy

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ngày 21/12/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại khoản 5 Điều 34; khoản 3 Điều 39; khoản 4 Điều 76; khoản 2 Điều 82 và điểm b khoản 4 Điều 84 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã rà soát và xây dựng dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu có ý kiến tham gia vào dự thảo Thông tư (được gửi kèm theo văn bản này trên trực liên thông văn bản quốc gia và trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính) và gửi về Bộ Tài chính¹ trước ngày 20/05/2022 để hoàn chỉnh ban hành Thông tư.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý Bộ./.y

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục TH-TK (để đăng CTTĐT BTC);
- Lưu: VT, HCSN.(6b) *lv*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Võ Thành Hưng

DANH SÁCH CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

LẤY Ý KIẾN DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
2. Bộ Công an
3. Bộ Y tế
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Bộ Nội Vụ
6. Bộ Tư pháp
7. Ngân hàng Chính sách xã hội
8. Ngân hàng Phát triển
9. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam./.

Số: /2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Thông tư này không điều chỉnh:

a) Đối với các khoản hỗ trợ có mục đích, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc các khoản hỗ trợ mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính đã có thỏa thuận.

Trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về nội dung, mức chi thì áp dụng theo nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này;

b) Kinh phí đảm bảo chi hoạt động thường xuyên, chi đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở cai nghiện bắt buộc và cơ sở công lập cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan;

c) Chính sách hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 80 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác”.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

3. Người bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy được quy định tại Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn Nghị định có quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy quy định tại Chương II, Chương III; Điều 9, khoản 1 và khoản 2 Điều 10; Chương V Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

3. Kinh phí thực hiện chế độ đối với nhân sự do cơ quan công an, y tế được điều động, cử đến làm việc, hỗ trợ tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 06 tháng trở lên quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Chương II

MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 4. Nội dung và mức chi thực hiện thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc

1. Chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ, sao lưu tài liệu: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi xác định tình trạng nghiện ma túy: Mức chi theo giá dịch vụ y tế do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở công lập thực hiện dịch vụ;

c) Chi công tác phí cho cán bộ đi xác minh nơi cư trú, bàn giao người vi phạm, xác minh, thu thập tài liệu để lập hồ sơ đề nghị hoặc thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

2. Chi thực hiện chế độ ăn, ở, sinh hoạt, hỗ trợ y tế của người nghiện ma túy trong thời gian quản lý tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội để làm thủ tục đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 7, khoản 8 và khoản 10 Điều 5 Thông tư này.

3. Chi hỗ trợ trực tiếp người của trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội được phân công quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

- Đối với phụ trách đơn vị, y sỹ, bác sỹ điều trị: 150.000 đồng/người/ngày;
- Đối với điều dưỡng viên, quản học viên: 100.000 đồng/người/ngày;

4. Chi tiền tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội; đưa người nghiện ma túy đã có quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đưa người không bị áp dụng biện pháp vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng sang cơ sở bảo trợ xã hội (nếu có); đưa người cần xác định nghiện ma túy chuyển tuyến để xác định tình trạng nghiện ma túy:

- Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương.

- Trường hợp bố trí bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

chịu trách nhiệm về việc quyết định bố trí phương tiện, thuê xe bên ngoài đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Chi truy tìm người nghiện ma túy bỏ trốn trong thời gian lập hồ sơ lưu trú tạm thời tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội; truy tìm người nghiện ma túy đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc khi làm thủ tục bàn giao đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ truy tìm đối tượng bỏ trốn:

- Chi chế độ công tác phí: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC. Ngoài chế độ công tác phí, khi truy tìm được đối tượng bỏ trốn đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc người truy tìm được bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày trong những ngày truy tìm đối tượng bỏ trốn;

- Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức;

b) Chi hỗ trợ cho người nghiện ma túy trong những ngày đi trên đường để đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội kể từ ngày tìm được:

- Tiền ăn: 40.000 đồng/người/ngày;

- Tiền thuê phòng nghỉ (nếu có) theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Điều 5. Chi thực hiện chế độ đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc (sau đây viết tắt là người cai nghiện bắt buộc) trong thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.

1. Chi tiền ăn, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của người cai nghiện bắt buộc và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện bắt buộc là nữ): Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. Căn cứ điều kiện cụ thể từng địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức quy định tại khoản này và do ngân sách địa phương tự bảo đảm.

2. Chi phí cai nghiện ma túy:

a) Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ để quyết định chế độ cai nghiện ma túy (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

b) Tiền thuốc cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có) theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế:

Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Đối với các khoản chi khác, mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp. Cơ sở lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi chế độ khám bệnh, chữa bệnh:

a) Chi khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

b) Chi thuốc chữa bệnh thông thường, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch bệnh cho người cai nghiện bắt buộc bị ốm được điều trị tại phòng y tế của cơ sở cai nghiện bắt buộc: Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp. Cơ sở lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chi phí điều trị đối với người cai nghiện bắt buộc bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc: Thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 67 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;

d) Trường hợp người cai nghiện bắt buộc bị thương tích do tai nạn lao động, thiên tai, hỏa hoạn thì cơ sở cai nghiện phải tổ chức điều trị (trường hợp trong khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc) và làm thủ tục để thực hiện chế độ trợ cấp theo quy định.

4. Chi học văn hóa cho người cai nghiện bắt buộc từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi:

a) Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế: Chi trả lương theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 17/2013/NĐ-CP). Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 8 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

b) Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy văn hóa (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy): Mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

c) Chi hỗ trợ học phẩm: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định về hỗ trợ học phẩm cho học sinh trung học cơ sở tại khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc;

d) Chi tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm, thuê trang thiết bị dạy học và các khoản chi cần thiết khác (nếu có) phục vụ trực tiếp công tác dạy và học văn hóa cho đối tượng: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo các chuyên đề về sức khỏe cộng đồng, pháp luật, đạo đức, truyền thống dân tộc, giáo dục công dân và chuyên đề khác phù hợp với số lượng, trình độ học vấn của người cai nghiện bắt buộc: Nội dung và mức chi theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

6. Chi phí học nghề ngắn hạn:

a) Người cai nghiện bắt buộc chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học. Căn cứ trình độ và năng lực của đối tượng; điều kiện về cơ sở vật chất của cơ sở và tình hình thực tế, thủ trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định hình thức học nghề cho phù hợp. Mức hỗ trợ cụ thể tùy theo từng đối tượng, từng nghề, thời gian học thực tế và hình thức học nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng (sau đây viết tắt là Thông tư số 152/2016/TT-BTC); không hỗ trợ tiền học nghề cho đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ hai trở đi đã được học nghề;

b) Hình thức học

- Trường hợp cơ sở cai nghiện bắt buộc trực tiếp tổ chức đào tạo thì cơ sở được chi các nội dung: Khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ; mua tài liệu, giáo trình, học liệu đào tạo; thù lao giáo viên dạy lý thuyết và giáo viên hướng dẫn thực hành; mua nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ công tác đào tạo; chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình (nếu có); chi phí điện, nước phục vụ lớp học; sửa chữa tài sản, thiết bị đào tạo; chi thuê thiết bị đào tạo (nếu có); chi cho công tác quản lý lớp học không quá 5% tổng kinh phí cho lớp đào tạo;

- Trường hợp đào tạo cho người cai nghiện bắt buộc theo hình thức liên kết đào tạo giữa cơ sở cai nghiện bắt buộc với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở thanh toán theo hợp đồng đào tạo.

7. Tiền điện, nước sinh hoạt: 100.000 đồng/đối tượng/tháng.

8. Chi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động tối thiểu: Mức 70.000 đồng/người cai nghiện bắt buộc/năm.

Trường hợp hỗ trợ mức cao hơn mức quy định tại khoản này, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể.

9. Chế độ lao động

a) Tiền công đối với người cai nghiện bắt buộc lao động tự nguyện: Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động;

b) Tiền thưởng cho người cai nghiện bắt buộc tham gia lao động trị liệu, lao động tự nguyện có thành tích xuất sắc: Mức chi tối đa 2.000.000 đồng/lần/người. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tiêu chí, số lượng người có thành tích xuất sắc phù hợp với kết quả lao động của đối tượng. Kết quả lao động của đối tượng là phần chênh lệch thu lớn hơn chi từ hoạt động tổ chức lao động của đối tượng.

10. Chi phí mai táng đối với trường hợp người cai nghiện bắt buộc chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết: Mức hỗ trợ chi phí mai táng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

11. Chi hỗ trợ đưa người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú:

a) Người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú được cấp tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe và một bộ quần áo thường (nếu họ không có) theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; cụ thể:

- Tiền ăn: Mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày;

- Tiền tàu xe: Mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông;

- Tiền quần áo: 01 bộ mùa hè hoặc 01 bộ mùa đông;

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với tiền quần áo và hỗ trợ mức cao hơn mức tiền ăn và tiền tàu xe quy định tại điểm này;

b) Chi chế độ công tác phí cho người đưa bàn giao người cai nghiện bắt buộc từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi khi chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú mà không có thân nhân đến đón tại gia đình hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện cư trú theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

12. Các khoản chi khác theo quyết định của Thủ trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, bao gồm:

a) Thuê chuyên gia tư vấn cho người cai nghiện bắt buộc về chuyên đổi hành vi phục hồi nhân cách, kỹ năng sống, tái hòa nhập cộng đồng, về phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác (nếu có);

b) Chi mua, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyên đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho đối tượng;

c) Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch.

13. Trường hợp trên thực tế phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định tại các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III

MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN

Điều 6. Nội dung, mức chi tổ chức thực hiện hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

1. Chi lập, xét duyệt hồ sơ đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

a) Chi tư vấn, hướng dẫn lập hồ sơ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng: 30.000 đồng/hồ sơ;

b) Chi hợp thăm tra xét duyệt hồ sơ đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

- Thành viên tham dự: 50.000 đồng/người/buổi;

- Chi nước uống cho người tham dự: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

c) Chi hỗ trợ công tác quản lý (văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thống kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người cai nghiện ma túy): Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu và theo quy định của pháp luật về đầu thầu.

2. Chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: 20.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng tối đa không quá 0,6 (không phải sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

3. Chi hỗ trợ một (01) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: 1.490.000 đồng/người/tháng.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cao hơn, tối thiểu bằng mức lương cơ sở hiện hành theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

Điều 7. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

1. Chi tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện công lập theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

2. Chi hỗ trợ 95% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP bao gồm:

a) Chi phí cai nghiện ma túy: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

b) Thuốc chữa bệnh thông thường: Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp. Cơ sở lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện tự nguyện là nữ) đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập: Mức chi bằng 70% mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:

a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này (nếu có);

b) Mức hỗ trợ cao hơn quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện: Tối đa không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 8. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

1. Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Thông tư này hướng dẫn cụ thể đối với việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập như sau:

a) Hàng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ kế hoạch cai nghiện ma túy của các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập, nội dung, mức chi, chế độ hỗ trợ cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập và số lượng đối tượng người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập ở địa phương, lập dự toán kinh phí và tổng hợp chung trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập trên cơ sở các căn cứ sau:

- Biểu tổng hợp danh sách, kinh phí hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập (có chữ ký hoặc dấu tay điểm chỉ của đối tượng được hỗ trợ). Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lưu chứng từ này làm cơ sở quyết toán;

- Đối chiếu các hóa đơn, chứng từ chi tiêu có liên quan đến việc tổ chức cai nghiện ma túy cho đối tượng. Cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập trực tiếp lưu giữ hóa đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể theo quy định hiện hành;

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập theo quy định.

Chương IV

MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 9. Nội dung và mức chi cho việc lập hồ sơ, tổ chức quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú

1. Chi lập hồ sơ quản lý sau cai nghiện: 30.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi hỗ trợ công tác quản lý: Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã (trợ giúp về tâm lý, các thủ tục pháp lý; hướng dẫn làm thủ tục đăng ký cư trú, cấp căn cước công dân, cấp phiếu lý lịch tư pháp; hướng dẫn chấp hành pháp luật, nghĩa vụ công dân,...): Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

4. Chi xét nghiệm chất ma túy cho người sau cai nghiện ma túy:

a) Thực hiện xét nghiệm định kỳ theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế;

b) Thực hiện xét nghiệm đột xuất trong trường hợp phát hiện hoặc nghi ngờ người sau cai nghiện ma túy sử dụng trái phép chất ma túy khi chưa đến hạn xét nghiệm định kỳ theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế;

c) Mức chi căn cứ vào hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Nội dung và mức chi hỗ trợ người sau cai nghiện ma túy áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Người bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tiếp tục đi học ở các bậc học phổ thông tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

2. Chi hỗ trợ học nghề:

a) Người sau cai nghiện ma túy nếu có nhu cầu học nghề được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hỗ trợ 01 lần kinh phí học nghề trình độ sơ cấp hoặc đào tạo dưới 03 tháng: Mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BT;

b) Căn cứ đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí học nghề của người sau cai nghiện ma túy và biên lai thu học phí của cơ sở đào tạo nghề, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, hỗ trợ người sau cai nghiện hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đề nghị để được xem xét hỗ trợ kinh phí học nghề cho người sau cai nghiện ma túy phù hợp theo từng đối tượng, từng nghề, thời gian học thực tế và hình thức học theo quy định của pháp luật.

Chương V**CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG
LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC****Điều 11. Chế độ đối với viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc được hưởng trợ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi theo nghề theo quy định tại Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập.

2. Nhân sự do cơ quan công an, y tế được điều động, cử đến làm việc, hỗ trợ tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 06 tháng trở lên được hưởng các chế độ theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương VI**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

2. Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện; Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng, Thủ tướng CP, các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Tài chính, KBNN, Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ TC, Bộ LĐTBXH;
- Các đơn vị thuộc Bộ TC, Bộ LĐTBXH;
- Lưu VT: Bộ TC, Bộ LĐTBXH (350b).

BỘ TRƯỞNG**Hồ Đức Phúc**